|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  Số: /2023/TT-BGTVT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

DỰ THẢO THÁNG 8/2023

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn một số nội dung dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng kinh doanh - quản lý đường bộ cao tốc**

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường cao tốc Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành* *Thông tư hướng dẫn một số nội dung dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng kinh doanh - quản lý đường bộ cao tốc.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng dự án kinh doanh - quản lý đường bộ cao tốc (sau đây gọi tắt là dự án O&M đường bộ cao tốc) trong phạm vi cả nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng O&M đường bộ cao tốc trong phạm vi cả nước.

**Chương II**

**MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU   
TIỀN KHẢ THI, BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI DỰ ÁN**

**Điều 3. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi**

1. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II về Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP, Mẫu số 01 Phụ lục III về Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Phương án tài chính của dự án O&M thực hiện theo quy định tại Mục 1, Chương II Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

3. Các nội dung chỉ tiêu hiệu quả kinh tế - xã hội và chỉ số đánh giá chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng do doanh nghiệp dự án cung cấp thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 5 Thông tư số 22/2022/TT-BGTVT ngày 31/08/2022 cuả Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

4. Các nội dung vềSơ bộ tổng mức đầu tư và Tổng mức đầu tư dự án, Giá trị tối thiểu nộp ngân sách nhà nước, Khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư và xác định doanh thu thu phí thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 4. Sơ bộ tổng mức đầu tư và Tổng mức đầu tư dự án**

1. Sơ bộ tổng mức đầu tư dự án là ước tính chi phí đầu tư của dự án được xác định phù hợp với các nội dung của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

Sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án được tính toán trên cơ sở quy mô, công suất hoặc năng lực phục vụ của dự án và suất vốn đầu tư (nếu có) hoặc dữ liệu chi phí của các dự án tương tự về loại, quy mô, tính chất dự án đã hoặc đang thực hiện, có điều chỉnh, bổ sung những chi phí cần thiết khác.

2. Tổng mức đầu tư dự án là toàn bộ chi phí đầu tư của dự án được xác định cụ thể phù hợp các nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Nội dung các chi phí của tổng mức đầu tư bao gồm:

a) Chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị chuẩn bị dự án PPP; chi phí tổ chức thẩm định của Hội đồng thẩm định dự án PPP và đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP; chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật PPP;

b) Chi phí đầu tư, xây dựng các hạng mục phục vụ công tác kinh doanh, quản lý (nếu có) theo quy định pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

c) Chi phí quản lý, vận hành khai thác và bảo trì theo quy trình bảo trì công trình dự án, bao gồm:

Chi phí quản lý, vận hành khai thác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.

Chi phí bảo trì thường xuyên, sửa chữa định kỳ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021).

Chi phí thay thế thiết bị được tính toán dựa trên mức chi phí đầu tư ban đầu và thông số kỹ thuật của các thiết bị do nhà sản xuất cung cấp.

Các nội dung khác thực hiện theo hướng dẫn tại quy trình bảo trì công trình đường cao tốc và quy định pháp luật về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

d) Các chi phí liên quan theo quy định pháp luật.

**Điều 5. Doanh thu thu phí**

1. Đơn vị chuẩn bị dự án xác định doanh thu của dự án qua từng năm, bao gồm: doanh thu ở mức căn bản, doanh thu ở mức tối đa và doanh thu ở mức tối thiểu.

2. Doanh thu thu phí dự kiến căn cứ:

a) Mức thu, đối tượng thu giá, phí theo quy định pháp luật PPP, pháp luật về giá, phí; dự kiến lộ trình tăng giá, phí.

b) Kết quả điều tra, khảo sát lưu lượng giao thông theo quy định tại Điều 6 Thông tư này; kết quả dự báo lưu lượng giao thông theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Đơn vị chuẩn bị dự án thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả điều tra, khảo sát, dự báo.

**Điều 6. Điều tra, khảo sát lưu lượng giao thông**

Việc điều tra, khảo sát lưu lượng giao thông nhằm xác định lưu lượng các loại phương tiện và thành phần dòng xe trên dự án.

1. Tổ chức điều tra, khảo sát lưu lượng giao thông

Trường hợp dự án chưa tổ chức vận hành, khai thác hoặc tổ chức vận hành, khai thác nhỏ hơn 3 tháng trước khi lập dự án O&M, đơn vị chuẩn bị dự án thực hiện:

a) Yêu cầu về lựa chọn vị trí điều tra, khảo sát

Các vị trí điều tra, khảo sát được đặt trên đoạn tuyến thằng, bảo đảm tầm nhìn ở cả hai hướng, cách xa khu vực đông dân cư; các đầu mối ở các luồng giao thông quan trọng hướng vào tuyến chính, các vị trí có sự thay đổi lưu lượng lớn như các tuyến đường giao cắt; lối ra, vào của tuyến đường bộ cao tốc; các tuyến đường bộ song hành với tuyến đường và các vị trí cần thiết khác.

b) Yêu cầu về hướng giao thông cần điền tra, khảo sát

Trên một mặt cắt ngang của tuyến đường thực hiện điều tra, khảo sát đầy đủ đối với cả hai hướng.

c) Yêu cầu về thời điểm điều tra, khảo sát

Tthời điểm điều tra, khảo sát căn cứ quy định về thời gian được phép hoạt động của các loại xe, thời gian hoạt động thực tế tại các vị trí đầu mối giao thông. Trong đó, loại trừ các thời điểm có lưu lượng giao thông bất thường không mang tính quy luật như sự cố giao thông, phân luồng, ùn tắc giao thông.

d) Yêu cầu về thời lượng điều tra, khảo sát

Thời gian thực hiện điều tra, khảo sát lưu lượng và thành phần giao thông căn cứ các điều kiện thực tế, tính chất dự án.

Đối với tuyến đường có lưu lượng giao thông biến động lớn, cần điều tra, khảo sát liên tục 7 ngày một tuần, mỗi ngày 24 giờ.

Đối với tuyến đường có lưu lượng giao thông ít biến động, cần điều tra, khảo sát ít nhất 3 ngày trong tuần, trong đó bao gồm một ngày làm việc, một ngày trước (hoặc sau) ngày nghỉ và một ngày nghỉ, mỗi ngày 24 giờ.

đ) Yêu cầu về nhân sự, thiết bị điều tra, khảo sát.

Mỗi ca đếm xe phải có một Tổ trưởng phụ trách và các nhân công tham gia điều tra, khảo sát được đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

Trước khi thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đơn vị lập dự án lập kế hoạch điều tra, khảo sát và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền và địa phương để lập kế hoạch kiểm tra, giám sát và hỗ trợ trong trường hợp cần thiết.

Đơn vị chuẩn bị dự án có thể sử dụng các thiết bị máy ảnh, máy quay hoặc thiết bị tương đương để hỗ trợ trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát.

2. Tổ chức thu thập số liệu lưu lượng và thành phần giao thông đã có

Trường hợp dự án đã tổ chức vận hành, khai thác trước khi lập dự án O&M, đơn vị chuẩn bị dự án thực hiện:

a) Thu thập các số liệu về lưu lượng và thành phần giao thông đã có từ cơ sở dữ liệu của tổ chức quản lý khai thác đường và số lượng lưu trữ khác (nếu có) trên các tuyến đường đang khai thác liên quan; cơ sở dữ liệu tại các trạm thu giá, phí dịch vụ sử dụng đường cao tốc trong khu vực lân cận; các số liệu tổng quát trong khu vực hấp dẫn của tuyến đường điều tra, khảo sát, bao gồm dân số, phân bổ dân cư, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch mạng lưới đường cao tốc, quy hoạch mạng lưới giao thông và các nội dung khác có liên quan.

b) Các số liệu thu thập được được sử dụng để đối chiếu kiểm tra với số liệu lưu lượng xe dự báo và kết quả tổ chức đếm xe thực tế hiện trường tại thời điểm chuẩn bị dự án.

c) Trường hợp do yếu tố khách quan, các số liệu điều tra, khảo sát tại điểm a, b khoản này không đáp ứng nhu cầu, đơn vị chuẩn bị dự án báo cáo chủ đầu tư cho phép triển khai thực hiện công tác điều tra, khảo sát lưu lượng giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 7. Dự báo lưu lượng giao thông**

1. Căn cứ dự báo

a) Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; các chỉ tiêu thống kê theo quy định pháp luật về thống kê;

b) Kết quả điều tra, khảo sát.

c) Các nội dung khác có liên quan.

2. Phương pháp dự báo

Căn cứ điều kiện cụ thể, tính chất dự án, đơn vị lập dự án lựa chọn phương pháp dự báo giao thông bao gồm:

a) Phương pháp dự báo theo cách ngoại suy

Căn cứ vào chuỗi số liệu thống kê lượng giao thông theo khoản 2 Điều 6 Thông tư này để ngoại suy, xác định sự phát triển lượng giao thông trong tương lai. Kết quả dự báo được dùng để đối chiếu, so sánh, đánh giá các kết quả dự báo theo phương pháp khác; trong đó có xem xét việc điều chỉnh tỷ lệ tăng trưởng giao thông hằng năm để phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội.

b) Phương pháp tính toán trực tiếp

Căn cứ vào mối tương quan giữa tỷ lệ tăng trưởng, lưu lượng giao thông với các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô để đưa ra kết quả dự báo.

c) Phương pháp mô hình 4 bước

Bước 1: Phát sinh chuyến đi: ước tính số lượng các chuyến đi xuất phát trong khu vực phân tích;

Bước 2: Phân phối chuyến đi: ước tính số lượng các chuyến đi thực hiện giữa các khu vực phân tích, hành trình di chuyển hoặc phân phối chuyến đi;

Bước 3: Phân chia phương thức: ước tính số lượng các chuyến đi theo các phương thức vận tải khác nhau giữa các khu vực;

Bước 4: Phân bổ giao thông: ước tính số lượng chuyến đi theo từng phương thức vận tải khác nhau trên mỗi tuyến đường.

d) Phương pháp khác nhưng phải có thuyết minh rõ;

đ) Kết hợp giữa các phương pháp trên.

3. Đơn vị chuẩn bị dự án đưa ra các kịch bản phát triển, bao gồm tăng trưởng cao, trung bình và thấp về các yếu tố kinh tế, dân cư, nhu cầu sử dụng dịch vụ và các yếu tố khác.

**Điều 8. Giá trị tối thiểu nộp ngân sách nhà nước**

1. Đơn vị chuẩn bị dự án xác định giá trị tối thiểu nộp ngân sách nhà nước tại phương án tài chính trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi trên cơ sở:

a) Doanh thu thu phí dự kiến theo quy định tại Điều 5 Thông tư này (sau đây ký hiệu là ***A***);

b) Chi phí kinh doanh, quản lý dự án, được tính bằng tổng mức đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này (sau đây ký hiệu là ***B***);

c) Chi phí huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP (sau đây ký hiệu là ***C***);

d) Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, được xác định trên cơ sở mức lợi nhuận theo quy định tại Điều 9 Thông tư này (sau đây ký hiệu là ***D***);

đ) Các giá trị A, B, C, D khoản này được tính theo từng năm trong vòng đời dự án, được quy đổi về hiện tại;

e) Giá trị tối thiểu nộp ngân sách nhà nước được tính toán theo công thức:

Trong đó, n là số năm trong vòng đời dự án, t là năm tính toán các giá trị ***A, B, C, D***.

2. Giá trị M theo quy định tại khoản 1 Điều này được xác định mang tính tương đối, là căn cứ để nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước và độc lập với:

a) Việc hoàn trả các chi phí theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 73 Luật PPP;

b) Các nghĩa vụ tài chính theo pháp luật chuyên ngành nhà đầu tư phải nộp cho cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 9. Khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư**

1. Căn cứ quy định pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội và đặc thù dự án, đơn vị chuẩn bị dự án lập mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại phương án tài chính trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi đảm bảo đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối thiểu không thấp hơn mức lãi suất huy động vốn đầu tư.

Mức lãi suất vay huy động vốn đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b) Mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối đa không vượt quá mức lãi suất vay huy động vốn đầu tư cộng tỷ lệ lạm phát*.*

Mức lãi suất vay huy động vốn đầu tư xác định theo điểm a khoản này.

Tỷ lệ lạm phát được xác định trên cơ sở chỉ số giá tiêu dùng CPI trung bình của 10 năm gần nhất theo công bố của Tổng cục Thống kê Việt Nam và có xem xét loại trừ các năm có CPI biến động lớn.

2. Mức lợi nhuận trong phương án tài chính tại Hồ sơ lựa chọn nhà đầu tư căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt dự án. Mức lợi nhuận của nhà đầu tư quy định tại hợp đồng dự án được xác định thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

**Chương III**

**PHƯƠNG PHÁP, TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU   
VÀ MẪU LOẠI HỢP ĐỒNG O&M**

**Điều 10. Phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu**

Phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu dự án O&M thực hiện theo quy định tại Chương I, Chương II, Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III Thông tư số 09/2022/TT-BGTVT ngày 22/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư và mẫu loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc ngành giao thông vận tải.

**Điều 11. Nguyên tắc áp dụng mẫu loại hợp đồng O&M**

1. Hợp đồng O&M đường bộ cao tốc ký kết giữa Cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án thực hiện theo mẫu loại hợp đồng O&M đường bộ cao tốc quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên có thể đề xuất hiệu chỉnh, bổ sung nội dung hợp đồng đảm bảo không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu và không trái với quy định của hồ sơ mời thầu, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hợp đồng O&M đường bộ cao tốc bao gồm: văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng, điều kiện chung của hợp đồng, điều kiện cụ thể của hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu cần thiết).

3. Trong Phụ lục Mẫu loại hợp đồng O&M đường bộ cao tốc ban hành kèm theo Thông tư này, các nội dung in đứng mang tính bắt buộc phải áp dụng, các nội dung in nghiêng nhằm mục đích hướng dẫn và được cụ thể hóa trên cơ sở quy mô, tính chất và điều kiện riêng (nếu có) của dự án nhưng không được nêu bất cứ tiêu chuẩn hoặc điều kiện nào nhằm hạn chế tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư.

**Điều 12. Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng**

Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng bao gồm: Căn cứ pháp lý ký kết hợp đồng dự án; thông tin chung về các bên ký kết hợp đồng dự án (cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án); hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý; thời hạn hợp đồng và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.

**Điều 13. Điều kiện chung của hợp đồng**

Điều kiện chung của hợp đồng bao gồm các nội dung chung được áp dụng trong các Hợp đồng O&M đường bộ cao tốc.

**Điều 14. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Điều kiện cụ thể của hợp đồng làm rõ các nội dung tương ứng với điều kiện chung của Hợp đồng O&M đường bộ cao tốc khi áp dụng đối với dự án cụ thể.

**Điều 15. Phụ lục hợp đồng**

Phụ lục hợp đồng là một bộ phận cấu thành của hợp đồng dự án. Trường hợp cần thiết, hợp đồng có thể có phụ lục hợp đồng kèm theo để quy định chi tiết một số điều khoản của hợp đồng.

**Điều 16. Tiền nộp ngân sách nhà nước**

1. Tiền nộp ngân sách nhà nước được căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP phải hoàn thành nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

2. Doanh nghiệp dự án nộp tối thiểu 30% giá trị nộp ngân sách nhà nước trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Hợp đồng dự án quy định mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp, trong đó:

a) Mức tính tiền chậm nộp được tính trên ngày, theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền chậm nộp;

b) Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp quy định tại khoản 1 Điều này đến ngày liền kề trước ngày số tiền cần nộp đã nộp vào ngân sách nhà nước.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 17. Quy định chuyển tiếp**

1. Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì đơn vị lập dự án có trách nhiệm cập nhật các nội dung tại báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Thông tư này mà không dẫn đến thay đổi chủ trương đầu tư.

2. Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.

3. Đối với hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được phát hành thì bên mời thầu căn cứ các quy định tại Thông tư này để sửa đổi, bổ sung và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

4. Đối với hồ sơ mời thầu đã được phát hành trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa đóng thầu thì Bên mời thầu điều chỉnh nội dung phù hợp với quy định tại Thông tư này và thực hiện các bước theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp điều chỉnh nội dung liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo cho tất cả các nhà thầu đã mua hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu biết để điều chỉnh các nội dung hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

5. Đối với các dự án đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa ký kết hợp đồng thì cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án tiến hành đàm phán, ký kết hợp đồng trên cơ sở hồ sơ mời thầu đã phát hành và hồ sơ dự thầu do nhà đầu tư nộp. Trường hợp có các nội dung chưa phù hợp với quy định tại Thông tư này thì báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định trên nguyên tắc bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả của dự án và không làm phương hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

6. Đối với các dự án đã ký hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng dự án đã ký kết. Quá trình thực hiện, trường hợp có điều chỉnh, bổ sung hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trên cơ sở các quy định tại Thông tư này tổ chức tiến hành thương thảo, đàm phán, ký kết phụ lục hợp đồng để triển khai thực hiện.

**Điều 18. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ……. tháng …. năm….

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 22/2022/TT-BGTVT như sau:

“3. Khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư dự án dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng dự án kinh doanh - quản lý đường bộ cao tốc thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng kinh doanh - quản lý đường bộ cao tốc.”.

**Điều 19. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc các Ban Quản lý dự án thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như Điều 20; * Văn phòng Chính phủ; * Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; * Các Thứ trưởng Bộ GTVT; * Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); * Cổng thông tin điện tử Chính phủ; * Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT; * Công báo; * Báo Giao thông, Tạp chí GTVT; * Lưu: VT, CĐCTVN(H). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Văn Thắng** |

**PHỤ LỤC**

**MẪU LOẠI HỢP ĐỒNG O&M ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC***(Ban hành kèm theo Thông tư số …………../2023/TT-BGTVT ngày …….tháng…..năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT)*

Phụ lục này bao gồm:

Phần I. Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng

Phần II. Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Phần III. Phụ lục hợp đồng.

Tại mẫu loại hợp đồng này, một số từ ngữ được giải thích và viết tắt như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung từ ngữ** | **Giải thích từ ngữ** | **Viết tắt** |
| Cơ quan có thẩm quyền | Theo khoản 1 Điều 5 Luật PPP | CQCTQ |
| Các bên ký kết hợp đồng | Bao gồm Cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án O&M | Các bên |
| Cơ quan ký kết hợp đồng | Theo khoản 2 Điều 5 Luật PPP | CQKKHĐ |
| Nhà đầu tư | Theo khoản 18 Điều 3 Luật PPP | NĐT |
| Doanh nghiệp dự án | Theo khoản 8 Điều 3 Luật PPP | DNDA |
| Uỷ ban nhân dân |  | UBND |

**PHẦN I. VĂN BẢN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN VỀ HỢP ĐỒNG**

**HỢP ĐỒNG DỰ ÁN O&M ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_

Dự án: \_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[ghi tên dự án]*

*Căn cứ (văn bản quy phạm pháp luật);*

*Căn cứ(các văn bản liên quan).*

***Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:***

1. **Cơ quan có thẩm quyền/ Cơ quan ký kết hợp đồng dự án O&M (Là một Bên của Hợp đồng):**

Tên Cơ quan có thẩm quyền/ **Cơ quan ký kết hợp đồng dự án O&M**: *[ghi tên Cơ quan có thẩm quyền] [***Cơ quan ký kết hợp đồng dự án O&M***]*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Người đại diện:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền).*

1. **Nhà đầu tư và Doanh nghiệp dự án (Là một Bên của Hợp đồng):**
   1. **Nhà đầu tư:**

Tên giao dịch: *[ghi tên giao dịch của Nhà đầu tư]*

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Người đại diện:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền).*

**2.2 Doanh nghiệp dự án:**

Tên giao dịch: *[ghi tên giao dịch của Doanh nghiệp dự án]*

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Người đại diện:

Chức vụ:

Các Bên trên đây thống nhất ký Hợp đồng để thực hiện Dự án\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*[ghi tên của Dự án]* với các nội dung sau:

**Điều 1. Thành phần Hồ sơ hợp đồng**

Thành phần hồ sơ hợp đồng dự án O&M và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;

2. Phụ lục hợp đồng (nếu có);

3. Biên bản đàm phán hợp đồng;

4. Văn bản pháp lý về kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm Điều kiện chung, Điều kiện cụ thể của hợp đồng;

6. Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn;

7. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

8. Các tài liệu có liên quan.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và Trách nhiệm của Nhà đầu tư**

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để kinh doanh, quản lý một phần hoặc toàn bộ công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có trong thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chấm dứt hợp đồng.

Nhà đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Nhà đầu tư nộp ngân sách nhà nước số tiền là \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [*ghi số tiền nộp ngân sách nhà nước*], với thời hạn nộp là \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [*ghi số lần, số tiền nộp trong mỗi lần*].

Thông tin nộp tiền là \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [*ghi cách thức nộp tiền*].

**Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và Trách nhiệm của Cơ quan có thẩm quyền/Cơ quan ký kết hợp đồng dự án O&M**

Cơ quan có thẩm quyền cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 4. Thời hạn hợp đồng:**

Thời hạn hợp đồng là \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định của HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

**Điều 5. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_ bộ, Cơ quan có thẩm quyền giữ \_\_\_\_ bộ, Nhà đầu tư giữ \_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (2)**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và*  *đóng dấu]* | **CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG  DỰ ÁN O&M**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và*  *đóng dấu]* |
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP DỰ ÁN**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và*  *đóng dấu]* |  |

*Ghi chú:*

*(1) Cập nhật các văn bản hiện hành liên quan đến hợp đồng.*

*(2) Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong hợp đồng phải bao gồm thông tin của tất cả các thành viên liên danh. Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu vào hợp đồng.*

**PHẦN II. ĐIỀU KIỆN CHUNG VÀ ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

Trong phần này:

- Cột bên trái (**chữ in đậm**) là các **Điều kiện chung** của hợp đồng.

- Cột bên phải (chữ in thường và *chữ in nghiêng*) là các **Điều kiện cụ thể** của hợp đồng. Trong đó, các nội dung in đứng mang tính bắt buộc phải áp dụng, các nội dung in nghiêng nhằm mục đích hướng dẫn và được cụ thể hóa trên cơ sở quy mô, tính chất và điều kiện riêng (nếu có) của dự án, tuân thủ quy định pháp luật và hồ sơ dự án. Căn cứ quy định pháp luật, tài liệu dự án, kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện nội dung này, làm rõ toàn bộ nội dung tương ứng với điều kiện chung của Hợp đồng O&M đường bộ cao tốc.

|  |  |
| --- | --- |
| **I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ** | |
| **Điều 1. Định nghĩa và các từ viết tắt về các khái niệm, từ ngữ được sử dụng trong hợp đồng dự án** | Định nghĩa và các từ viết tắt về các khái niệm, từ ngữ được sử dụng trong hợp đồng dự án, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và bối cảnh cụ thể của dự án.  *+ Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT, kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện “Các khái niệm, từ ngữ sử dụng trong hợp đồng”.*  *+ Nêu các từ viết tắt được sử dụng tại Hợp đồng, có thể bao gồm: Tên của cơ quan, tổ chức, các cụm từ thông dụng,… Việc viết tắt đảm bảo dễ hiểu, không gây nhầm lẫn với các từ khác.* |
| **Điều 2. Nguyên tắc giải thích số ít, số nhiều, giới tính và các vấn đề đặc thù khác** | Nguyên tắc giải thích số ít, số nhiều, giới tính và các vấn đề đặc thù khác trong trường hợp hợp đồng dự án được ký kết với một bên là NĐT nước ngoài.  *Căn cứ ngôn ngữ hợp đồng, ngôn ngữ của các tài liệu khác liên quan, quy định pháp luật hiện hành, kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện nội dung này.* |
| **II. MỤC TIÊU, QUY MÔ CỦA DỰ ÁN** | |
| **Điều 3. Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của dự án** | Nêu mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án. |
| **Điều 4. Quy mô, công suất; dự án thành phần, tiểu dự án, hạng mục của dự án** | Nêu quy mô, công suất; dự án thành phần, tiểu dự án, hạng mục của dự án. |
| **III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN, NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI NGUYÊN KHÁC** | |
| **Điều 5. Địa điểm thực hiện dự án** | Nêu địa điểm thực hiện dự án.  *Bao gồm: Địa danh cụ thể, diện tích sử dụng đất, tài nguyên khác (mặt nước, khoáng sản, …) trong phạm vi dự án và các công trình liên quan theo quyết định phê duyệt chủ trương, quyết định phê duyệt dự án.* |
| **Điều 6. Hiện trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án; máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác có liên quan, thuyết minh yêu cầu về việc vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của dự án nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công** | Nêu hiện trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án; máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác có liên quan, thuyết minh yêu cầu về việc vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của dự án nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;  *Phù hợp với các tài liệu dự án (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Báo cáo nghiên cứu khả thi, Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt dự án, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ dự thầu,…).*  Nêu quyền, trách nhiệm của các bên trong trường hợp cần GPMB để thực hiện các hạng mục dự án. |
| **IV. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN** | |
| **Điều 7. Thời hạn hợp đồng dự án** | 7.1. Thời hạn hợp đồng dự án được xác định căn cứ yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ của từng loại công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, thời gian cần sửa chữa định kỳ hoặc thời gian sử dụng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định pháp luật.  7.2. Thời hạn hợp đồng dự án căn cứ theo quyết định phê duyệt dự án và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT, kết quả thương thảo hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật PPP.  *Khi xem xét về thời hạn hợp đồng, có thể cân nhắc các yếu tố như: chu kỳ bảo dưỡng, bảo trì của công trình; thời hạn huy động vốn đối với các khoản vốn vay; thời hạn tối đa, tối thiểu theo quy định pháp luật. Thời hạn hợp đồng dự án có thể bao gồm các mốc thời gian sau:*  *- Thời gian xây dựng các hạng mục phục vụ công tác vận hành, bảo trì, thu phí.*  *- Thời gian vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. Trong đó, cần căn cứ vào thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật PPP.*  *- Các mốc thời gian khác.* |
| **Điều 8. Các trường hợp được điều chỉnh thời hạn hợp đồng của dự án** | 8.1. Các trường hợp được điều chỉnh thời hạn hợp đồng của dự án theo quy định tại Điều 51 Luật PPP;  8.2. Các mốc thời gian được điều chỉnh trên cơ sở quy định tại Hợp đồng này.  8.3. Các bên ký kết hợp đồng được điều chỉnh thời hạn hợp đồng nhưng bảo đảm tổng thời hạn hợp đồng, bao gồm thời gian điều chỉnh không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và không làm thay đổi các nội dung khác của quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật PPP. |
| **Điều 9. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án** | 9.1. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án được thực hiện theo quy định tại mục 7 Hợp đồng này.  9.2. Việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh thời hạn hợp đồng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 50 Luật PPP. |
| **V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ, CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP** | |
| **Điều 10. Yêu cầu về kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng cho dự án** | 10.1. Nguyên tắc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn  *Việc áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.*  10.2. Điều kiện áp dụng  *Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có) được áp dụng trong dự án phải đảm bảo các yêu cầu pháp luật liên quan.*  *Có thể bao gồm các nội dung như: quy định về điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án,…*  10.3 Quyền và nghĩa vụ của các bên trong trường hợp thay đổi giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công dẫn đến thay đổi chi phí, thời gian. |
| **Điều 11. Các tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm dịch vụ công** | Quy định các tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm dịch vụ công. |
| **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc giám sát tính tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng** | Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc giám sát tính tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm dịch vụ công**.** |
| **VI. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, GIÁ TRỊ TỐI THIỂU NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CƠ CẤU NGUỒN VỐN, PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH** | |
| **Điều 13. Tổng mức đầu tư** | Tổng mức đầu tư được duyệt là*: [ghi giá trị tổng mức đầu tư dự án theo quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định có liên quan]*  *Tổng mức đầu tư được xác định theo pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc theo pháp luật khác có liên quan đối với dự án không có cấu phần xây dựng. Chi phí khai thác, vận hành trong suốt vòng đời dự án bằng các chi phí liên quan đến vận hành và bảo dưỡng công trình dự án; các chi phí nhân lực để vận hành và bảo dưỡng công trình dự án; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn giám sát, dự phòng… theo hướng dẫn tại Phụ lục II Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.* |
| **Điều 14. Giá trị tối thiểu nộp ngân sách nhà nước** | Giá trị tối thiểu nộp ngân sách nhà nước là*: [ghi giá trị tối thiểu nộp ngân sách nhà nước theo kết quả lựa chọn nhà đầu tư]* |
| **Điều 15. Cơ cấu nguồn vốn** | Nêu cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án.  *Căn cứ kết quả lựa chọn NĐT và kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện nội dung này với các nội dung như:*  *- Giá trị phần vốn chủ sở hữu;*  *- Giá trị phần vốn do NĐT huy động.* |
| **Điều 16. Kế hoạch thu xếp tài chính** | 16.1. Tiến độ nộp giá trị nộp ngân sách nhà nước  *Nêu tiến độ, thời giạn, giá trị nộp ngân sách nhà nước.*  16.2. Vốn chủ sở hữu:  a) Tổng số vốn là *[ghi giá trị].*  Vốn chủ sở hữu của NĐT tham gia thực hiện dự án bảo đảm không thấp hơn mức vốn [*ghi giá trị phần vốn chủ sở hữu mà NĐT phải góp phù hợp với Điều 15*];  b) Tiến độ góp vốn chủ sở hữu so với vốn điều lệ của DNDA.  *Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, kết quả lựa chọn NĐT và kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu quy định tiến độ góp vốn chủ sở hữu so với vốn điều lệ của DNDA như:*  *Vốn chủ sở hữu của NĐT được góp theo tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng dự án. Trường hợp vốn điều lệ của DNDA thấp hơn mức vốn chủ sở hữu NĐT cam kết huy động, hợp đồng dự án phải bao gồm lộ trình tăng vốn điều lệ của DNDA, phù hợp với tiến độ triển khai dự án.*  16.2. Nguồn vốn huy động:  Tổng số vốn NĐT huy động thông qua các hình thức vay (nếu có) không vượt quá tổng số vốn vay theo quy định tại [*tài liệu dự án*].  *Nêu nguồn vốn huy động (vốn vay, vốn tín dụng ưu đãi, trái phiếu DNDA và các nguồn khác): tổng mức vốn huy động thời gian vay, trả, thời gian ân hạn (theo từng nguồn vốn); chi phí huy động vốn bao gồm: lãi suất vốn vay của từng nguồn vốn, chi phí cần thiết liên quan đến huy động nguồn vốn được pháp luật cho phép; đồng tiền vay và tỷ giá thanh toán; điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động; tiến độ, thứ tự giải ngân, phương án trả nợ (theo từng nguồn vốn).*  16.3. Quy định về việc ký kết thỏa thuận về việc lựa chọn NĐT thay thế giữa cơ quan ký kết hợp đồng, bên cho vay, NĐT, DNDA (được ký kết đồng thời với hợp đồng cấp tín dụng).  *Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và tính chất của từng dự án, Bên mời thầu đề xuất hình thức, thời điểm ký kết phù hợp đảm bảo không ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng này.* |
| **Điều 17. Doanh thu trong phương án tài chính** | 17.1. Mức doanh thu theo các thời hạn do các bên thỏa thuận, phù hợp với quy định pháp luật và tài liệu dự án.  *Xác định doanh thu của dự án qua từng năm trên cơ sở tài liệu dự án. Giá, phí sản phẩm, dịch vụ và các khoản thu khác; lộ trình tăng giá, phí.*  17.2. Quy định đồng tiền được áp dụng để xác định doanh thu**.**  *Trường hợp tổ chức, cá nhân là người cư trú, người không cư trú có hoạt động ngoại hối tại Việt Nam cần tuân thủ quy định pháp luật về ngoại hối.* |
| **Điều 18. Thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác** | Quy định thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác.  *Nêu rõ các loại thuế, phí, nghĩa vụ tài chính; quyền và nghĩa vụ của các bên; trường hợp thay đổi thuế, phí, nghĩa vụ tài chính và các nội dung liên quan.* |
| **Điều 19. Các chỉ tiêu tài chính đầu ra cần đạt được để bảo đảm tính khả thi tài chính của dự án** | Quy định các chỉ tiêu tài chính đầu ra cần đạt được để bảo đảm tính khả thi tài chính của dự án |
| **Điều 20. Nghĩa vụ của NĐT, DNDA trong việc thu xếp tài chính cho dự án** | Quy định nghĩa vụ của NĐT, DNDA trong việc thu xếp tài chính cho dự án.  *Có thể gồm các nội dung như:*  *a) Nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước*  *Căn cứ quy định pháp luật, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, tài liệu dự án, kết quả thương thảo.*  *Quy định rõ thời gian, cách thức, trình tự, thủ tục, thông tin tài khoản nhận… tiền nộp vào ngân sách nhà nước.*  *b) Nguồn vốn chủ sở hữu*  *- Trách nhiệm NĐT trong góp vốn chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của hợp đồng này và yêu cầu thực hiện dự án.*  *- Tiến độ huy động vốn chủ sở hữu:*  *+ Căn cứ yêu cầu về vốn chủ sở hữu quy định tại phương án tài chính. Trách nhiệm xây dựng Bảng Kế hoạch thực hiện, tiến độ huy động vốn chủ sở hữu, tiến độ giải ngân, thanh toán.*  *+ Mức vốn điều lệ đăng ký.*  *- Mức vốn điều lệ đăng ký và tiến độ huy động vốn căn cứ vào yêu cầu của dự án và nội dung quy định. Trường hợp vốn điều lệ đăng ký lần đầu của DNDA thấp hơn mức vốn chủ sở hữu yêu cầu, nêu tiến độ NĐT thực hiện việc tăng vốn điều lệ của DNDA đáp ứng yêu cầu tại bảng tiến độ huy động vốn chủ sở hữu.*  *c) Nguồn vốn NĐT huy động*  *- Trách nhiệm huy động vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật và quy định của hợp đồng dự án để thực hiện dự án theo quy định tại hợp đồng dự án đã ký kết;*  *- Hợp đồng vay phải đảm bảo có hiệu lực và đáp ứng khả năng giải ngân, phù hợp với tiến độ thực hiện theo quy định;*  *- Thời hạn hoàn thành thu xếp tài chính;*  *c) Báo cáo tình hình huy động vốn*  *Trong thời gian theo quy định [tần suất/thời hạn báo cáo theo kết quả thương thảo], DNDA có trách nhiệm báo cáo Cơ quan ký kết hợp đồng về tình hình huy động/giải ngân vốn chủ sở hữu, huy động/giải ngân vốn vay (kèm theo các tài liệu xác thực cần thiết).*  *d) Các nghĩa vụ khác.* |
| **Điều 21. Trách nhiệm của NĐT, DNDA trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ thu xếp tài chính** | Quy định trách nhiệm của NĐT, DNDA trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ thu xếp tài chính.  *Quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ thu xếp tài chính, bao gồm nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước, góp vốn chủ sở hữu, huy động vốn vay,…*  *Quy định về trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm (nếu có) như: xảy ra sự kiện bất khả kháng,… Quy định về nghĩa vụ chứng minh, thông báo, xác nhận trong trường hợp miễn trách nhiệm.* |
| **Điều 22. Điều kiện thay đổi phương án tài chính** | Quy định về điều kiện thay đổi phương án tài chính.  *Phương án tài chính của dự án được xây dựng trên cơ sở Điều 4 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.* |
| **VII. CHIA SẺ PHẦN TĂNG DOANH THU** | |
| **Điều 23. Cơ chế báo cáo doanh thu của DNDA và cơ chế theo dõi doanh thu** | Quy định về cơ chế báo cáo doanh thu của DNDA cho CQKKHĐ và cơ chế theo dõi doanh thu theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật PPP, chương V, chương VI Nghị định số 28/2021/NĐ-CP. |
| **Điều 24. Trường hợp dự án áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu** | Quy định về trường hợp dự án được áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu theo quy định tại Điều 82 Luật PPP.  Khi doanh thu thực tế đạt cao hơn 125% mức doanh thu trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chia sẻ với Nhà nước 50% phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và mức 125% doanh thu trong phương án tài chính. Việc chia sẻ phần tăng doanh thu được áp dụng sau khi đã điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án PPP theo quy định tại các điều 50, 51 và 65 của Luật PPP và được Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán phần tăng doanh thu. |
| **Điều 25. Thời hạn thanh toán phần chia sẻ phần tăng doanh thu** | Quy định về thời hạn thanh toán phần chia sẻ phần tăng doanh thu theo quy định tại Điều 16, 17 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP. |
| **VII. ƯU ĐÃI, BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ** | |
| **Điều 26. Ưu đãi đầu tư** | Ưu đãi đầu tư mà NĐT, DNDA được hưởng theo quy định tại Điều 79 Luật PPP, được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.  *Liệt kê các ưu đãi (nếu có) về: thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ưu đãi đầu tư khác.* |
| **Điều 27. Bảo đảm đầu tư** | NĐT, DNDA được hưởng các bảo đảm đầu tư và thực hiện theo quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 80 Luật PPP.  *Liệt kê các bảo đảm (nếu có) về: quyền tiếp cận đất, quyền sử dụng đất và tài sản công khác của DNDA; bảo đảm cung cấp các dịch vụ công cho DNDA; bảo đảm quyền thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn về tài sản, con người của DNDA; các bảo đảm đầu tư khác theo pháp luật về đầu tư.* |
| **Điều 28. Bảo đảm cân đối ngoại tệ (trường hợp áp dụng)** | Bảo đảm cân đối ngoại tệ được thực hiện theo quy định tại Điều 81 Luật PPP.  *Quy định về hạn mức, thời hạn, thời điểm cân đối ngoại tệ trong trường hợp dự án PPP được Chính phủ cho phép bảo đảm cân đối ngoại tệ.* |
| **VIII. GIÁ, PHÍ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG** | |
| **Điều 29. Mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công** | 29.1. Mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công.  Quy định về mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ.  *Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và điều kiện, thủ tục, điều chỉnh được quy định tại hợp đồng dự án PPP theo nguyên tắc bảo đảm lợi ích của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP, người sử dụng và Nhà nước, tạo điều kiện để nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP thu hồi vốn và có lợi nhuận. Phương án giá, khung giá sản phẩm, dịch vụ công theo thời hạn hợp đồng dự án PPP phải xác định cụ thể mức giá khởi điểm và mức giá cho từng thời kỳ bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật PPP.*  29.2. Phương pháp và công thức điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công.  *Việc điều chỉnh mức giá, phí phải phù hợp với quy định về điều chỉnh hợp đồng, điều chỉnh thời hạn hợp đồng, cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu và các quy định khác liên quan.* |
| **Điều 30. Các trường hợp, thủ tục điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công cho từng thời kỳ** | Các trường hợp, thủ tục điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công cho từng thời kỳ.  *Việc thỏa thuận, điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công cho từng thời kỳ trong hợp đồng dự án PPP phải phù hợp với quy định của pháp luật về giá, phí* *theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Luật PPP.* |
| **Điều 31. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công** | Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của các bên thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Luật PPP. |
| **IX. CƠ CẤU LẠI CÁC KHOẢN NỢ (TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG)** | |
| **Điều 32. Điều kiện cơ cấu lại các khoản nợ** | Điều kiện để được cơ cấu lại các khoản nợ. |
| **Điều 33. Cơ chế chia sẻ phần lợi nhuận gia tăng** | Cơ chế chia sẻ phần lợi nhuận gia tăng khi cơ cấu lại các khoản nợ. |
| **IXa. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN ĐỐI VỚI CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG** | |
| **Điều 34. Thu xếp tài chính** | Kế hoạch thu xếp tài chính để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng. |
| **Điều 35. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế** | Quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế. |
| **Điều 36. Các thủ tục xin cấp phép** | Quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan đến công tác xin cấp phép. |
| **Điều 37. Cơ chế phối hợp giữa các bên** | Thỏa thuận về cơ chế phối hợp giữa các bên ký kết hợp đồng.  Nêu cơ chế phối hợp của các bên ký kết hợp đồng với bên cho vay, địa phương,… (nếu có). |
| **Điều 38. Thực hiện các thủ tục, yêu cầu về thi công xây dựng** | Quyền, nghĩa vụ của các bên trong thực hiện các thủ tục, yêu cầu về thi công xây dựng. |
| **Điều 39. Lựa chọn nhà thầu trong quá trình xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng** | Quyền, nghĩa vụ của các bên trong công tác lựa chọn nhà thầu trong quá trình xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. |
| **Điều 40. Chế độ quản lý chất lượng và giám sát, nghiệm thu hạng mục công trình** | Quyền, nghĩa vụ của các bên trong công tác quản lý chất lượng và giám sát, nghiệm thu hạng mục công trình. |
| **Điều 41. Thủ tục quyết toán, kiểm toán (nếu có)** | Quyền, nghĩa vụ của các bên trong thủ tục quyết toán, kiểm toán (nếu có), *bao gồm: cung cấp tài liệu, thực hiện kết luận,…* |
| **Điều 42. Quyền và nghĩa vụ các bên đối với các hạng mục xây dựng** | Quyền và nghĩa vụ các bên đối với các hạng mục xây dựng.  *Bao gồm: quyền sở hữu, sử dụng đối với các hạng mục xây dựng; vấn đề chuyển giao các hạng mục xây dựng khi kết thúc thời hạn hợp đồng; nghĩa vụ bảo hành, vận hành, bảo trì, bảo hiểm… các hạng mục xây dựng;…* |
| **X. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH, KINH DOANH CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG** | |
| **Điều 43. Điều kiện vận**  **hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng** | DNDA O&M vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng kể từ ngày hợp đồng dự án có hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật PPP. |
| **Điều 44. Nghĩa vụ của DNDA trong việc đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về vận hành, kinh doanh, khai thác công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng một cách liên tục, ổn định** | 44.1. Nghĩa vụ của DNDA trong việc đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về vận hành, kinh doanh, khai thác công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng một cách liên tục, ổn định.  44.2. Quy định trách nhiệm của DNDA đối với công trình, hạng mục công trình, nội dung công việc thuộc trách nhiệm bảo hành của nhà thầu xây dựng. |
| **Điều 45 Việc thu xếp bảo hiểm hoặc phương án quản lý rủi ro công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng** | 45.1. Quy định phạm vi, đối tượng được bảo hiểm hoặc quản lý rủi ro.  *Tài sản công do Nhà nước đầu tư, có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hoả hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.*  45.2. Quy định quyền và nghĩa vụ các bên đối với việc bảo hiểm, quản lý rủi ro.  45.3. Quy định cơ chế tài chính trong bảo hiểm, quản lý rủi ro.  45.4. Quy định biện pháp quản lý rủi ro.  Việc quản lý rủi ro bằng biện pháp bảo hiểm hoặc các biện pháp khác trong quá trình vận hành, khai thác.  *Công cụ tài chính quản lý rủi ro đối với tài sản công thực hiện theo quy định tại Chương XV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.*  *Công cụ tài chính quản lý rủi ro đối với tài sản của NĐT, DNDA thực hiện theo quy định pháp luật doanh nghiệp, pháp luật bảo hiểm, pháp luật thương mại và các quy định liên quan.* |
| **Điều 46. Tổ chức vận hành, bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng** | Tổ chức vận hành, bảo dưỡng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.  *Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 25/2023/NĐ-CP ngày 19/5/2023) và các văn bản liên quan.* |
| **Điều 47. Điều kiện, biện**  **pháp giải quyết khi tạm ngừng cung cấp hàng**  **hóa, dịch vụ do sự cố kỹ**  **thuật, sự kiện bất khả kháng và các trường hợp khác** | Điều kiện, biện pháp giải quyết khi tạm ngừng cung cấp hàng hóa, dịch vụ do sự cố kỹ thuật, sự kiện bất khả kháng và các trường hợp khác  *Thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.* |
| **Điều 48. Quyền, nghĩa vụ của CQKKHĐ trong việc kiểm tra giám sát nghĩa vụ của DNDA trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng** | Quyền, nghĩa vụ của CQKKHĐ trong việc kiểm tra giám sát nghĩa vụ của DNDA trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. |
| **XI. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN GIAO CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG** | |
| **Điều 49. Điều kiện kỹ thuật, tình trạng hoạt động và chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khi chuyển giao** | 49.1. Điều kiện kỹ thuật, tình trạng hoạt động và chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khi chuyển giao thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;  49.2. Quyền và nghĩa vụ của Cơ quan ký kết hợp đồng về nội dung này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. |
| **Điều 50. Trình tự, thủ tục liên quan trong giai đoạn chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng** | Trình tự, thủ tục liên quan trong giai đoạn chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. |
| **Điều 51. Chế độ cho người lao động tại DNDA khi chuyển giao công trình cơ sở hạ tầng** | Các bên ký kết hợp đồng thỏa thuận về chế độ cho người lao động tại DNDA khi chuyển giao công trình cơ sở hạ tầng trong kế hoạch chuyển giao công nghệ, lao động, hồ sơ công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ công tác vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng cho CQKKHĐ hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. |
| **XII. QUYỀN, NGHĨA VỤ KHÁC CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG** | |
| **Điều 52. Thỏa thuận về việc sử dụng dịch vụ bảo lãnh đối với nghĩa vụ của CQKKHĐ** | Thỏa thuận về việc sử dụng dịch vụ bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với nghĩa vụ của CQKKHĐ. |
| **Điều 53. Nghĩa vụ của NĐT và giới hạn trách nhiệm của NĐT đối với các trách nhiệm của DNDA trong Hợp đồng** | Nghĩa vụ của NĐT và giới hạn trách nhiệm của NĐT đối với các trách nhiệm của DNDA trong Hợp đồng. |
| **Điều 54. Nghĩa vụ của DNDA trong việc báo cáo định kỳ tình hình triển khai dự án với cơ quan ký kết hợp đồng** | Nghĩa vụ của DNDA trong việc báo cáo định kỳ tình hình triển khai dự án với CQKKHĐ. |
| **Điều 55. Nghĩa vụ của DNDA trong việc bảo đảm tuân thủ các quy định về an toàn và sức khỏe của người lao động, bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ liên quan khác** | 55.1. Trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động của DNDA.  55.2. DNDA chịu trách nhiệm trước CQCTQ và trước pháp luật về việc quản lý tài nguyên, môi trường xây dựng được quy định pháp luật.  55.3. DNDA có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ để bảo đảm sức khỏe người lao động theo quy định của pháp luật có liên quan. |
| **Điều 56. Nghĩa vụ của các bên đối với việc bảo mật thông tin, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của CQCTQ, cơ quan thanh tra, kiểm toán, giám sát** | Các bên ký kết hợp đồng có trách nhiệm phối hợp trong việc cung cấp tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của CQCTQ, cơ quan thanh tra, kiểm toán, giám sát. |
| **XIII. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG** | |
| **Điều 57. Giá trị, thời gian có hiệu lực, các trường hợp được, không được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng** | 57.1. Giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng.  57.2. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.  *DNDA phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.*  *Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày doanh nghiệp dự án PPP hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng.*  57.3. Các trường hợp được, không được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng. |
| **Điều 58. Trách nhiệm của NĐT, DNDA đối với nghĩa vụ cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng** | 58.1. Trách nhiệm của NĐT, DNDA đối với nghĩa vụ cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng.  58.2. Trong trường hợp NĐT, DNDA không thực hiện nghĩa vụ cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 71.1 Điều này, CQCTQ thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 33 Luật PPP. |
| **XIV. QUY ĐỊNH VỀ PHẠT HỢP ĐỒNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM NGHĨA VỤ** | |
| **Điều 59. Các trường hợp phạt hợp đồng** | 59.1. Vi phạm hợp đồng của DNDA:  *Liệt kê các trường hợp được coi là vi phạm hợp đồng của DNDA theo nguyên tắc: Vi phạm nghĩa vụ là việc DNDA không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.*  *Việc phạt hợp đồng bao gồm cả trường hợp không thực hiện đúng cam kết về việc sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, thiết bị trong nước trong trường hợp nhà đầu tư khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư quốc tế có cam kết sử dụng hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước để được hưởng ưu đãi đầu tư. Trong trường hợp này, hợp đồng phải quy định điều khoản xử phạt cụ thể tương ứng với mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng khi đánh giá HSDT.*  59.2. Vi phạm hợp đồng của CQKKHĐ  *Liệt kê các trường hợp được coi là vi phạm hợp đồng của CQKKHĐ*  59.3. Vi phạm nghiêm trọng của các bên ký kết hợp đồng  *Liệt kê các trường hợp vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng theo nguyên tắc: Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.*  *Việc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo hợp đồng có thể là căn cứ để một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 423 Bộ luật Dân sự 2015.* |
| **Điều 60. Hình thức phạt hợp đồng** | Quy định các hình thức phạt hợp đồng  *Có thể bao gồm các hình thức:*  *- Phạt tiền: mức phạt cụ thể đối với từng trường hợp và thủ tục thực hiện. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.*  *Trường hợp quy định mức phạt, lưu ý quy định của pháp luật áp dụng theo quy định tại căn cứ ký kết hợp đồng như:*  *+ Trường hợp áp dụng luật thương mại, mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại 2005.*  *+ Trường hợp áp dụng pháp luật xây dựng, đối với công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước, mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Ngoài mức phạt theo thỏa thuận, bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho bên kia, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan khác theo quy định tại Điều 146 Luật Xây dựng 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).*  *+ Trường hợp áp dụng pháp luật dân sự, các bên thỏa thuận về việc áp dụng phạt vi phạm và việc áp dụng song song hoặc không áp dụng bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 418 Bộ luật Dân sự 2015.*  *+ Trường hợp quy định phạt tiền đối với CQKKHĐ, phải quy định rõ nguồn vốn, cơ sở pháp lý về thẩm quyền thỏa thuận, nội dung thỏa thuận, cơ quan thực hiện.*  *- Tạm dừng việc khai thác, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng: đối với các trường hợp vi phạm (bao gồm thời điểm áp dụng, thời hạn phạt và thủ tục thực hiện).*  *- Các hình thức khác do các bên thỏa thuận không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.* |
| **Điều 61. Các hình thức xử lý vi phạm nghĩa vụ khác** | Các chế tài, việc xử lý vi phạm nghĩa vụ khác được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật thương mại và quy định có liên quan. |
| **XV. DOANH NGHIỆP DỰ ÁN** | |
| **Điều 62. Mô hình tổ chức, hoạt động của DNDA** | Mô hình tổ chức, hoạt động của DNDA tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật PPP. |
| **Điều 63. Vốn điều lệ của DNDA** | Vốn điều lệ của DNDA tuân thủ quy định pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Hợp đồng này. |
| **Điều 64. Nghĩa vụ của NĐT trong việc góp vốn chủ sở hữu** | Nghĩa vụ của NĐT trong việc góp vốn chủ sở hữu thực hiện theo quy định tại Điều 76 và Điều 77 Luật PPP và tuân thủ nội dung tại Hợp đồng này. |
| **Điều 65. Quyền và nghĩa vụ của NĐT khi chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp cho NĐT khác** | Quyền và nghĩa vụ của NĐT khi chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp cho NĐT khác, bao gồm cả trường hợp chuyển nhượng toàn bộ cổ phần hoặc phần vốn góp tương đương với việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật PPP. |
| **XVI. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC** | |
| **Điều 66. Việc áp dụng hình thức huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của DNDA, vốn hợp pháp khác** | 64.1. DNDA huy động vốn thông qua hình thức phát hành trái phiếu của DNDA thực hiện theo quy định tại Điều 78 Luật PPP.  64.2. Các hình thức huy động vốn hợp pháp khác thực hiện theo quy định tại mục 2 Chương II Nghị định số 28/2021/NĐ-CP. |
| **Điều 67. Điều kiện, nguyên tắc, thời điểm, phương thức phát hành trái phiếu của DNDA** | Điều kiện, nguyên tắc, thời điểm, phương thức phát hành trái phiếu của DNDA được thực hiện theo quy định tại Điều 78 Luật PPP, Điều 6 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP. |
| **Điều 68. Giá trị vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu, vốn hợp pháp khác** | Quy định giá trị vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu, vốn hợp pháp khác.  *Giá trị vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu không vượt quá giá trị phần vốn vay được xác định tại hợp đồng dự án theo quy định tại Điều 78 Luật PPP.* |
| **XVII. TÀI SẢN, QUYỀN THẾ CHẤP** | |
| **Điều 69. Quy định về tài sản dự án** | 69.1. Quyền sở hữu  *- Quyền sở hữu đối với công trình dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật đầu tư công, pháp luật khác có liên quan.*  *- Quyền sở hữu đối với quyền kinh doanh – quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng do các bên thỏa thuận tại hợp đồng này, phù hợp với quy định pháp luật và tài liệu dự án.*  69.2. Quyền quản lý, khai thác  *- Việc quản lý, khai thác công trình dự án thực hiện hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại Điều 62 và khoản 2 Điều 63 Luật PPP;*  *- Việc quản lý, khai thác tài sản hình thành trong quá trình thực hiện hợp đồng (như các hạng mục do DNDA thực hiện phục vụ cho công tác vận hành, bảo trì, thu phí…) do các bên thỏa thuận tại hợp đồng này, phù hợp với quy định pháp luật và tài liệu dự án.*  69.3. Tài sản không được phép thế chấp  *Bao gồm: các tài sản không thuộc quyền sở hữu của NĐT, DNDA; các tài sản được hình thành trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án ngoại trừ quyền kinh doanh - quản lý (O&M) công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của DNDA.* |
| **Điều 70. Quyền của DNDA trong việc thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của DNDA** | 70.1. DNDA được quyền thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của DNDA theo quy định của pháp luật.  70.2. Thời gian thế chấp không vượt quá thời hạn hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác tại hợp đồng.  70.3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Luật PPP. |
| **Điều 71. Quyền của DNDA trong việc thế chấp quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng** | 71.1. Việc thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng không được ảnh hưởng đến mục tiêu, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến độ thực hiện dự án và các điều kiện khác đã thỏa thuận tại hợp đồng.  71.2. Thỏa thuận thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng phải được lập thành văn bản ký kết giữa bên cho vay và các bên ký kết hợp đồng  71.3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Luật PPP. |
| **Điều 72. Trách nhiệm của Cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp với bên cho vay trong việc lựa chọn NĐT thay thế để tiếp nhận quyền, nghĩa vụ đối với tài sản thế chấp khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn** | Căn cứ phạm vi công việc còn lại của Hợp đồng cần thực hiện, Cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm phối hợp với bên cho vay trong việc lựa chọn NĐT thay thế để thực hiện dự án. Việc xác định và thực hiện chỉ định NĐT tuân thủ theo quy định tại Điều 67 và Điều 68 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. |
| **XVIII. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG DỰ ÁN** | |
| **Điều 73. Các trường hợp được xem xét sửa đổi Hợp đồng dự án** | Các trường hợp được xem xét sửa đổi Hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật PPP và các mục XXIV, XXV, XXVI của Hợp đồng này. |
| **Điều 74. Trình tự sửa đổi hợp đồng** | Trình tự thực hiện sửa đổi hợp đồng dự án được quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật PPP.  *Đối với hình thức hợp đồng, hợp đồng sửa đổi phải tuân theo hình thức của hợp đồng ban đầu* |
| **Điều 75. Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khi sửa đổi hợp đồng** | Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khi sửa đổi hợp đồng.  *Có thể bao gồm các nội dung như:*  *- CQKKHĐ yêu cầu đơn vị chuẩn bị dự án lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh làm cơ sở để CQCTQ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;*  *- NĐT, DNDA có trách nhiệm phối hợp với CQKKHĐ, Đơn vị chuẩn bị dự án trong quá trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;*  *- Các nội dung khác theo kết quả thương thảo.* |
| **XIX. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG DO HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN** | |
| **Điều 76. Điều kiện xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản** | Điều kiện xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản  *Căn cứ quy định khoản 1 Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015.* |
| **Điều 77. Thỏa thuận về sửa đổi Hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản** | Thỏa thuận về sửa đổi Hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản.  *Căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015.* |
| **Điều 78. Quy định về thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận** | Quy định về thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.  *Các bên thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực. Các bên phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.*  *Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý.* |
| **Điều 79. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản** | Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.  *Trong quá trình đàm phán sửa đổi, chấm dứt hợp đồng, Tòa án giải quyết vụ việc, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định tại khoản 4 Điều 420 Bộ luật Dân sự.* |
| **XX. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG DO SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG** | |
| **Điều 80. Quy định các trường hợp bất khả kháng, điều kiện xác định sự kiện bất khả kháng** | Quy định các trường hợp bất khả kháng, điều kiện xác định sự kiện bất khả kháng.  *Liệt kê các trường hợp bất khả kháng, điều kiện xác định sự kiến bất khả kháng theo nguyên tắc: Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.* |
| **Điều 81. Quy trình xử lý trong trường hợp bất khả kháng** | Quy trình xử lý trong trường hợp bất khả kháng. |
| **Điều 82. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi xảy ra sự kiện bất khả kháng** | Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, tuân thủ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 Luật PPP. |
| **Điều 83. Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công** | Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.  *Các bên thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực. Các bên phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.*  *Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, các bên thỏa thuận thủ tục thông báo, khắc phục, giải quyết hậu quả,...* |
| **Điều 84. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi xảy ra sự kiện bất khả kháng** | 84.1. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng.  84.2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến thiệt hại, trách nhiệ bồi thường thiệt hại. |
| **XXI. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG DO QUY HOẠCH, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THAY ĐỔI** | |
| **Điều 85. Quy định các trường hợp, điều kiện xác định các trường hợp thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật có ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng dự án** | 85.1. Các trường hợp thay đổi chính sách, pháp luật có ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng dự án.  85.2. Điều kiện để xác định các trường hợp thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật có ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng dự án được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 và điểm d khoản 3 Điều 51 Luật PPP. |
| **Điều 86. Cơ sở, tài liệu chứng minh doanh thu của DNDA bị sụt giảm so với mức doanh thu trong phương án tài chính do thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật** | Cơ sở, tài liệu chứng minh doanh thu của DNDA bị sụt giảm so với mức doanh thu trong phương án tài chính do thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật theo quy định tại Điều 51 và Điều 82 Luật PPP, Điều 17 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP. |
| **Điều 87. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật** | Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật. |
| **Điều 88. Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công** | Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.  *Các bên thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực. Các bên phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.*  *Trong trường hợp thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật, các bên thỏa thuận thủ tục thông báo, thực hiện,...* |
| **Điều 89. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật** | Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thay đổi quy hoạch, chính sách, phápluật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 Luật PPP.  *Việc quản lý đầu tư theo phương thức PPP phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật PPP.*  *Thỏa thuận quyền, nghĩa vụ các bên trong trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư trong trường hợp quy hoạch, chính sách, pháp luật liên quan có thay đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Luật PPP.*  *Thỏa thuận quyền, nghĩa vụ của các bên trong trường hợp điều chỉnh thời hạn hợp đồng trong trường hợp có sự thay đổi về quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan làm giảm doanh thu dưới 75% so với mức doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng theo quy định tai điểm d khoản 3 Điều 51 Luật PPP.* |
| **XXII. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN** | |
| **Điều 90. Các trường hợp được xem xét chấm dứt hợp đồng trước thời hạn** | Các trường hợp được xem xét chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật PPP. |
| **Điều 91. Công thức xác định mức chi phí xử lý tương ứng các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn** | 91.1. Trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn tại điểm b khoản 2 Điều 52 Luật PPP hoặc do Cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều (về việc vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của CQKKHĐ) của Hợp đồng này, Cơ quan ký kết hợp đồng báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí vốn nhà nước theo quy định của pháp luật để thanh toán kinh phí mua lại hoặc chi trả bồi thường chấm dứt hợp đồng cho DNDA.  Việc chi trả bồi thường chấm dứt hợp đồng hoặc thanh toán kinh phí mua lại cho DNDA thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 82 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.  91.2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 52 Luật PPP hoặc do lỗi của NĐT, DNDA vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều (về việc vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của DNDA) Hợp đồng này, thì NĐT có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho NĐT thay thế.  91.3. Trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn theo quy định tại điểm a và điểm đ khoản 2 Điều 52 Luật PPP, các bên thỏa thuận về chấm dứt hợp đồng.  91.4. Các bên thỏa thuận cách thức, công thức xác định mức chi phí xử lý cho các trường hợp quy định tại Điều này. |
| **Điều 92. Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thực hiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn** | Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thực hiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. |
| **Điều 93. Việc kiểm kê, chuyển giao tài sản, thanh toán cho các bên liên quan tương ứng với từng trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn** | Việc kiểm kê, chuyển giao tài sản, thanh toán cho các bên liên quan tương ứng với từng trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.  *Thỏa thuận cơ chế phối hợp, điều kiện bàn giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.*  *Thỏa thuận về kế hoạch chuyển giao công nghệ, lao động, hồ sơ công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ công tác vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng cho cơ quan ký kết hợp đồng hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (nếu có).* |
| **Điều 94. Giới hạn trách nhiệm của Cơ quan ký kết hợp đồng về nghĩa vụ tài chính khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn** | Giới hạn trách nhiệm của Cơ quan ký kết hợp đồng về nghĩa vụ tài chính khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.  *Các bên cân nhắc, xem xét về thẩm quyền thỏa thuận, trình tự, thủ tục, chi phí, tính khả thi đối với việc quy định về giới hạn trách nhiệm của Cơ quan ký kết hợp đồng về nghĩa vụ tài chính khi chấm dứt hợp đồng trước hạn.* |
| **XXIII. PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH** | |
| **Điều 95. Pháp luật điều chỉnh** | Pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án và các phụ lục hợp đồng, văn bản có liên quan được ký kết giữa Cơ quan ký kết hợp đồng với NĐT, DNDA tuân thủ Điều 55 Luật PPP và pháp luật liên quan.  *Việc thỏa thuận pháp luật điều chỉnh phải phù hợp với quy định pháp luật; Căn cứ ký kết hợp đồng nêu tại Phần I. Văn bản thỏa thuận và cá văn bản liên quan. Đồng thời, cần rà soát, nêu thứ tự ưu tiên trong trường hợp có sự khác nhau giữa các văn bản về cùng một vấn đề.* |
| **Điều 96. Quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên đối với các vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định** | Quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên đối với các vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định.  *Các bên cân nhắc, xem xét về thẩm quyền thỏa thuận đối với các vấn đề; việc áp dụng các nguyên tắc chung của pháp luật Việt Nam; trình tự, thủ tục, chi phí, tính khả thi của thỏa thuận đối với các vấn đề Việt Nam không có quy định.* |
| **XXIV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP** | |
| **Điều 97. Cơ chế giải quyết tranh chấp** | Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các bên tham gia hợp đồng dự án và tranh chấp giữa DNDA với các tổ chức kinh tế tham gia thực hiện dự án thực hiện theo quy định tại Điều 97 Luật PPP.  *Các bên cân nhắc, xem xét về trình tự, thủ tục, chi phí, vấn đề thông tin, thẩm quyền của cơ quan, tổ chức giải quyết tranh chấp, tính sẵn có trên thị trường của ,… khi lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp.* |
| **XXV. CHẤM DỨT, THANH LÝ HỢP ĐỒNG** | |
| **Điều 98. Trình tự, thủ tục, thời điểm thực hiện thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đúng thời hạn** | Trình tự, thủ tục, thời điểm thực hiện thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đúng thời hạn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.  Việc thanh lý hợp đồng phải căn cứ trên việc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật PPP. |
| **Điều 99. Trình tự, thủ tục thực hiện thỏa thuận thanh lý hợp đồng** | * 1. 99.1. Trình tự, thủ tục thực hiện thỏa thuận thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật PPP.   2. 99.2. Thời hạn thanh lý hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật PPP. |
| **Điều 100. Quyền, nghĩa vụ của các bên khi chấm dứt, thanh lý hợp đồng** | Quyền, nghĩa vụ của các bên khi chấm dứt, thanh lý hợp đồng.  *Các quy định có thể bao gồm:*  *- Quyền và nghĩa vụ trong trường hợp gian lận trong hoạt động đầu tư PPP như một bên cố ý cung cấp thông tin không trung thực, không khách quan làm sai lệch việc thanh lý hợp đồng dự án PPP theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 10 Luật PPP.*  *- Quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong trường hợp phát sinh chi phí khi thanh lý hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 68 Luật PPP.*  *- Quyền và nghĩa vụ của DNDA đối với việc cung cấp tài liệu liên quan đến việc thanh lý hợp đồng để lưu trữ hồ sơ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 3 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.* |
| **XXVI. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC** | |
| **Điều 101. Các quy định khác** | Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, tài liệu dự án, kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện Điều này đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án.  *Các quy định khác có thể bao gồm:*  *- Bảo mật thông tin;*  *- Thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính liên quan;*  *- Sở hữu trí tuệ;*  *- Giới hạn trách nhiệm;*  *- Hiệu lực hợp đồng;*  *- Quyền miễn trừ;*  *- …* |

**PHẦN III. PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

Căn cứ quy định pháp luật, tính chất của dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện nội dung các Phụ lục Hợp đồng (nếu cần thiết) như*: Bảo hiểm, thông tin về doanh nghiệp dự án, phương án tài chính, danh sách các văn bản chấp thuận phê duyệt, bảo đảm thực hiện hợp đồng và các bảo đảm khác, chức năng của cơ quan được ủy quyền, yêu cầu kỹ thuật về thiết kế, yêu cầu về kỹ thuật thi công, yêu cầu về vận hành, bảo trì, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, ...*